



BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR NHA TRANG

KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP
DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL AND OCCUPATIONAL HEALTH



Mã mẫu / Sample Code: 098/04/2026/HH-VS	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 031/05/2026	Ngày / Date: 15/05/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH
Địa chỉ / Address : 81 Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Bể chứa Nhà máy nước Rào Đá - Thôn Kim Nại, xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 1 bình nhựa 5 lít và 1 chai nhựa 500 ml
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 16/04/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 17/04/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 17/04/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result
1	Coliform tổng số ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	0
2	<i>E.coli</i> ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	0
3	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	0,001
4	Clo dư (mg/L)	QTKN/HL/27 (SMEWW - 4500 Cl-G:2023)	0,7
5	Độ đục ^(a) (NTU)	QTKN/HL/01 (SMEWW-2130 B:2017)	0,2
6	Màu ^(a) (Pt/Co)	QTKN/HL/15 (SMEWW - 2120 C:2023)	< 5,0
7	Mùi, vị ^(a)	(TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH ^(a)	QTKN/HL/10 (SMEWW-4500 H ⁺ -B:2017)	7,3
9	<i>Staphylococcus aureus</i> ^(a) (CFU/100mL)	(SMEWW-9213 B:2023)	0
10	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 16266:2006)	0
11	Amoni ^(a) (mgN/L)	QTKN/HL/04 (SMEWW - 4500 NH ₃ -F:2017)	< 0,1
12	Chì ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	0,001
13	Chỉ số Pecmanganat ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/18 (TCVN 6186:1996)	0,6
14	Clorua ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/08 (SMEWW - 4500 Cl ⁻ -B:2017)	9,5
15	Độ cứng ^(a) (mgCaCO ₃ /L)	QTKN/HL/06 (SMEWW - 2340 C:2017)	104,0
16	Mangan ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	0,005
17	Nhôm ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/43 (SMEWW - 3125:2023)	0,122
18	Nitrat ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/59 (SMEWW-4110 B-D:2017)	1,25
19	Nitrit ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/59 (SMEWW-4110 B-D:2017)	< 0,05

BM-TT-7.8

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm. / This result is only valid on tested sample.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang. / This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
- Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample information are written as client's request.

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result
20	Sắt ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/05 (SMEWW-3500 Fe-B:2017)	< 0,05
21	Sunfua ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/33 (SMEWW - 4500 S ² -F:2023)	< 0,02
22	Thủy ngân ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/12 (US EPA 7473; MA-3000 NIC)	< 0,0002
23	Chất rắn hòa tan ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/21 (SMEWW - 2540 C:2017)	104,0
24	Xianua ⁽¹⁾ (mg/L)	(TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984(E)))	< 0,002
25	Diclorometan ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/62 (US EPA 524.3)	< 0,5
26	Vinyl clorua ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/62 (US EPA 524.3)	< 0,2
27	Ethylbenzen ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/62 (US EPA 524.3)	1,02
28	Phenol và dẫn xuất của phenol ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/38 (US EPA 528.1)	0,113
29	Xylen ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/62 (US EPA 524.3)	4,05
30	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/60 (US EPA 525.3)	< 1,0
31	Chlorpyrifos ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/60 (US EPA 525.3)	< 1,0
32	Permethrin ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/60 (US EPA 525.3)	< 1,0
33	Propanil ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/53	< 1,3
34	Trifluralin ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/60 (US EPA 525.3)	< 1,0
35	Bromodichloromethane ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/62 (US EPA 524.3)	2,12
36	Bromoform ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/62 (US EPA 524.3)	< 0,5
37	Chloroform ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/62 (US EPA 524.3)	11,42
38	Dibromochloromethane ^(a) (µg/L)	QTKN/HL/62 (US EPA 524.3)	2,05

Ghi chú:

(a) Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

(1): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Parameter is tested by subcontractor

Nhận xét: ./.

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT



Hồ Văn Quốc

CH. VIỆN TRƯỞNG
V. DIRECTOR

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông